

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 171/2025/DS-PT
Ngày: 21-11-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Nguyên
Bà Võ Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Bách là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 261/2025/QĐXXPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1973; Địa chỉ: thôn X, phường H, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T là: Bà Huỳnh Thị Ngọc Q, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. (Theo hợp đồng ủy quyền số công chứng 1668 ngày 31/03/2025 tại Văn phòng C). Có mặt

- Bị đơn: Vợ chồng bà Phan Thị G, sinh năm 1973; ông Lý Ngọc T1, sinh năm 1973; Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vợ chồng bà G, ông T1 là: Ông Lý Ngọc V, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố C, phường H, tỉnh Gia Lai. (Theo hợp đồng ủy quyền số công chứng 78 ngày 06/01/2025 tại Văn phòng C1). Có mặt

- Người kháng cáo: Ông Lý Ngọc V là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị G và ông Lý Ngọc T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phan Thị G trình bày:

Vào ngày 31/10/2023, bà Dương Thị T cho vợ chồng bà Phan Thị G, ông Lý Ngọc T1 mượn số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), mục đích để đáo hạn ngân hàng, hẹn đến ngày 01/01/2023 sẽ trả đủ. Lúc mượn tiền, bà T trực tiếp cầm tiền đến Ngân hàng Thương mại cổ phần S1, chi nhánh B, phòng G1, giữa bà T, bà G viết và ký giấy nợ tại ngân hàng. Lý do chồng bà G là ông Lý Ngọc T1 không ký tên vào giấy nợ là vì khi bà T yêu cầu bà G nói ông T1 ký giấy nợ thì bà G bảo là chồng bà có ký giấy ủy quyền cho bà toàn quyền quyết định việc vay mượn tiền, thế chấp nhà đất và đáo hạn ngân hàng nên bà T tin tưởng chỉ yêu cầu một mình bà G ký giấy nợ.

Khi đến hạn trả nợ, bà T đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà G, ông T1 cố tình trốn tránh không trả nợ, bà G lấy lý do là ngân hàng không giải ngân, không cho bà vay tiền, bà T có động viên bà G lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay ở ngân hàng khác, trả nợ cho bà nhưng bà G không đồng ý. Bà T có yêu cầu cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh G) xử lý hành vi chiếm đoạt tiền của bà G nhưng được trả lời là không có dấu hiệu hình sự. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà G, ông T1 có trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.200.000.000 đồng nói trên, bà T không yêu cầu lãi suất.

- Bị đơn bà Phan Thị G và ông Lý Ngọc T1 do ông Lý Ngọc V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông V là em ruột của ông Lý Ngọc T1, ông nhận đại diện theo ủy quyền của ông T1, bà G theo giấy ủy quyền số công chứng 78, quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06 tháng 01 năm 2025. Ông V thừa nhận giấy mượn tiền đề ngày 31/10/2025 có chữ ký của bà Phan Thị G là đúng. Nhưng còn về nội dung ghi trong giấy mượn tiền không ghi rõ là bà G đã tự đọc, hiểu và ký vào giấy mượn tiền, bà G cũng không nhận tiền trực tiếp từ bà T. Còn ông Lý Ngọc T1 thì không ký vào giấy mượn tiền, ông T1 cũng không biết gì về việc mượn tiền giữa bà G và bà T. Do đó, bà T yêu cầu bà G và ông T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ thì ông T1 không đồng ý. Bà T cho rằng bà G có mượn tiền của bà T để đáo hạn ngân hàng thì bà T phải có trách nhiệm chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/01/2025 ông V có gửi đơn phản tố đề ngày 08/01/2025, tuy nhiên, sau khi làm việc, ông V xác nhận đây là đơn trình bày ý kiến, vì trước đây, bà T có làm đơn tố giác bà G tới Công an tỉnh về việc mượn tiền, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T theo giấy triệu tập ngày 10/01/2024. Vào ngày 11/12/2023, công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh G) có giấy mời triệu tập bà G đến làm việc tại trụ sở Công an tỉnh lần 1. Lần hai là vào ngày 29/12/2023, có triệu tập lên trụ sở Công an phường T (nay là phường H) để làm việc. Do đó, khi Tòa án nhân dân thị xã H (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6- Gia Lai) triệu tập làm việc về tranh chấp vay tài sản theo đơn khởi kiện của bà T thì bản thân ông rất hoang man. Ông là công

dân, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên đơn trình bày ý kiến của ông, ông ghi nhầm là đơn phản tố.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V vẫn giữ nguyên ý kiến, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Gia Lai quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T. Buộc vợ chồng bà Phan Thị G, ông Lý Ngọc T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Dương Thị T số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng). Bà T không yêu cầu trả lãi suất.

- Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 23/7/2025 ông Lý Ngọc V là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị G và ông Lý Ngọc T1 nộp đơn kháng cáo và ngày 28/7/2025 nộp đơn kháng cáo bổ sung với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của đại diện bị đơn ông Lý Ngọc V, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị G và ông Lý Ngọc T1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Theo giấy mượn tiền ngày 31/10/2023 bà Phan Thị G có mượn bà Dương Thị T 1.200.000.000 đồng (BL 131), thời gian mượn từ ngày 31/10/2023 đến ngày 01/11/2023.

Tại Văn bản số 47/VPCQCSĐT ngày 20/01/2025 của Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là tỉnh Gia Lai) cung cấp thông tin cho Tòa án thì do đến hạn bà G không trả nợ cho bà T nên ngày 01/12/2023 bà T gửi đơn tố giác bà G đến công an về tội lừa đảo vì hỏi vay đáo hạn ngân hàng nhưng sau đó chiếm đoạt chiếm đoạt 1.200.000.000 đồng không trả xảy ra ngày 31/10/2023. Theo Biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2023 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (BL 43) bà Phan Thị G trình bày: “Bà G không quen biết với bà Dương Thị T, bà được em chồng là ông Lý Ngọc V giới thiệu để vay tiền đáo hạn ngân hàng S2 chi nhánh H vào ngày 31/10/2023. Sau khi được giới thiệu, bà G và bà T gặp nhau thống nhất việc bà G vay 1.200.000.000 đồng để đáo hạn khoản vay tại ngân hàng S2 chi nhánh H vào ngày 31/10/2023. Bà T đưa thông tin của bà G để hỏi cán bộ ngân hàng, hồ sơ của bà sẽ được vay lại nên bà T đồng ý cho bà G vay tiền. Bà G viết giấy mượn tiền, bà T giao tiền mặt tại ngân hàng nộp tiền vào tài khoản trả nợ giúp bà. Sau khi tắt toán, bà và bà T thống nhất cùng cán bộ ngân hàng là

sau khi giải ngân sẽ chuyển vào tài khoản của con trai bà T là Nguyễn Công D. Tuy nhiên, sau đó, ngân hàng thông báo là bà không được vay lại nên bà và ông V có phản ứng gay gắt tại ngân hàng. Ngân hàng trình báo cho cơ quan công an vào làm việc. Bà G thừa nhận nợ bà T số tiền 1.200.000.000 đồng và sẽ thu xếp trả nợ cho bà T chứ không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại văn bản số 16/2025/PGDBS ngày 17/01/2025 của ngân hàng S2 phòng giao dịch Bồng S cung cấp thông tin cho tòa án: Bà Phan Thị G đã tất toán khoản vay vào ngày 31/10/2023.

Như vậy căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 31/10/2023, lời khai của bà G ngày 15/12/2023 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là tỉnh Gia Lai) và việc bà G đã trả khoản vay 1,2 tỷ đồng cho ngân hàng cùng ngày mượn tiền 31/10/2023 thì HĐXX có đủ cơ sở khẳng định vào ngày 31/12/2023 bà Phan Thị G có mượn bà Dương Thị T số tiền 1,2 tỷ đồng để trả nợ cho ngân hàng.

[1.2] Căn cứ vào Hợp đồng ủy quyền (BL 69), Hợp đồng tín dụng (BL55), giấy nhận nợ (BL 51), Hợp đồng thế chấp (BL 60) thể hiện ông Lý Ngọc T1 (chồng bà G) đã ủy quyền cho bà G ký hợp đồng thế chấp và Hợp đồng tín dụng để thế chấp nhà và đất tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại T, Tam Quan B, H, Bình Định là tài sản chung của ông Lý Ngọc T1 và bà Phan Thị G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số CH 02727 do UBND huyện H cấp cho ông T1 bà G ngày 10/11/2015 vay Ngân hàng S2 phòng G1 1,2 tỷ đồng theo Giấy nhận nợ ngày 26/4/2023 với mục đích bổ sung vốn kinh doanh mua bán hải sản. Do đó, khoản nợ ngân hàng là nợ chung của vợ chồng bà Phan Thị G, ông Lý Ngọc T1 và tài sản thế chấp là tài sản chung của vợ chồng bà Phan Thị G, ông Lý Ngọc T1. Do đó, mặc dù ông T1 không ký vào giấy mượn tiền bà T nhưng khoản tiền mượn bà T 1.200.000.000 đồng là sử dụng chung trả khoản nợ chung của vợ chồng ông T1, bà G tại Ngân hàng để giữ lại tài sản thế chấp của vợ chồng ông T1, bà G không bị phát mãi theo quy định.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T. Buộc vợ chồng bà Phan Thị G, ông Lý Ngọc T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Dương Thị T số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) là có cơ sở.

[2] Từ những nhận định trên, xét thấy tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng bà Phan Thị G, ông Lý Ngọc T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Gia Lai là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm ông V còn cho rằng tại cấp sơ thẩm ông có gửi đơn phản tố vào ngày 07/01/2025 và ngày 06/5/2025 nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết. HĐXX xét thấy các đơn phản tố đều có nội dung bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện, nên đây là trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn không phải là yêu cầu phản tố, đồng thời theo Biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2025 tại TAND thị xã H (BL 27) ông V thừa nhận đơn phản tố ngày 07/01/2025 là đơn trình bày ý kiến của ông về yêu cầu khởi kiện, ông ghi nhầm là đơn phản tố. Cấp sơ thẩm vẫn xem xét ý kiến

của ông V yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện nhưng không chấp nhận đây là yêu cầu phản tố là có căn cứ.

[4] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì Bà Phan Thị G, ông Lý Ngọc T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của đại diện bị đơn ông Lý Ngọc V, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Gia Lai là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị G và ông Lý Ngọc T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Gia Lai.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T. Buộc vợ chồng bà Phan Thị G, ông Lý Ngọc T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Dương Thị T số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị G, ông Lý Ngọc T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0001391 ngày 08/8/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai. Bà Phan Thị G, ông Lý Ngọc T1 còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

4. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 6;
- VKSND khu vực 6;
- Phòng thi hành án khu vực 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng